

Vietnam Journal of Marine Science and Technology; Vol. 19, No. 2; 2019: 179–189

DOI: <https://doi.org/10.15625/1859-3097/19/2/12577>

<https://www.vjs.ac.vn/index.php/jmst>

General assessment and development orientation for 50 coastal islands in Northern Vietnam (with an area of 1 km² or more)

Uong Dinh Khanh*, Le Duc An, Bui Quang Dung

Institute of Geography, VAST, Vietnam

*E-mail: uongdinhkhanh@gmail.com

Received: 21 May 2018; Accepted: 17 September 2018

©2019 Vietnam Academy of Science and Technology (VAST)

Abstract

Vietnam has about 2,773 islands located in the coastal areas of different seas, including around 100 islands with an area of 1 km² or more (these islands are large enough for socio-economic development). Northern coastal area has 50 islands with an area of 1 km² or more, distributed in two provinces Quang Ninh (47 islands), Hai Phong (3 islands). According to a combined assessment of the potential and position of 50 Northern coastal islands for the purpose of economic development, defense and security, 9 islands have been recognized as having the capability of defense and economic development; 6 islands have the advantages of economic development and national defense; 16 islands have the primary function of economic development and 19 islands should focus on their advantages of tourism and agroforestry, which will also be considered as a reserved resource for future island economic development.

Keywords: Coastal islands, potential, position, development orientation.

Citation: Uong Dinh Khanh, Le Duc An, Bui Quang Dung, 2019. General assessment and development orientation for 50 coastal islands in Northern Vietnam (with an area of 1 km² or more). *Vietnam Journal of Marine Science and Technology*, 19(2), 179–189.

Đánh giá tổng hợp và định hướng phát triển hệ thống 50 đảo ven bờ Bắc Bộ Việt Nam (có diện tích từ 1 km² trở lên)

Uông Đình Khanh*, Lê Đức An, Bùi Quang Dũng

Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

*E-mail: uongdinhkhanh@gmail.com

Nhận bài: 21-5-2018; Chấp nhận đăng: 17-9-2019

Tóm tắt

Việt Nam có khoảng 2.773 hòn đảo phân bố ở ven bờ các vùng biển khác nhau, trong đó có khoảng 100 đảo có diện tích từ 1 km² trở lên (là các đảo có diện tích đủ lớn để phát triển kinh tế xã hội). Ven bờ Bắc Bộ có tới 50 đảo có diện tích từ 1 km² trở lên, phân bố ở 2 tỉnh Quảng Ninh (47 đảo), Hải Phòng (3 đảo). Trên cơ sở đánh giá tổng hợp tiềm năng và vị thế của 50 đảo ven bờ Bắc Bộ thông qua các chỉ tiêu cho các mục đích phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh, đã xác định được 9 đảo có chức năng quốc phòng và phát triển kinh tế; 6 đảo có ưu thế chức năng phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng; 16 đảo có chức năng chủ yếu phát triển kinh tế và 19 đảo (chủ yếu là các đảo nhỏ) lợi thế khai thác phát triển du lịch và cũng được coi là nguồn lực dự trữ cho phát triển kinh tế biển đảo sau này.

Từ khóa: Các đảo ven bờ, tiềm năng, vị thế, định hướng phát triển.

MỞ ĐẦU

Việt Nam có khoảng 2.773 hòn đảo ven bờ với diện tích 1.721 km² song lại phân bố rất khác nhau tại các vùng biển, trong đó có khoảng 100 đảo có diện tích từ 1 km² trở lên (là những đảo có diện tích đủ lớn cho phát triển kinh tế - xã hội). Ven bờ Bắc Bộ là nơi tập trung nhiều đảo nhất (2.321 đảo) chiếm tới 83,7% tổng số đảo và 48,9% tổng diện tích đảo của cả nước và có tới 50 đảo có diện tích từ 1 km² phân bố ở 2 tỉnh: Quảng Ninh (47 đảo), Hải Phòng (3 đảo) (bảng 1 và hình 1) [1].

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài VAST06.02/13–14 “Điều tra, nghiên cứu xây dựng hồ sơ cho 50 đảo (có diện tích từ 1 km² trở lên) trong hệ thống đảo ven bờ Bắc Bộ về vị thế, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các dạng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng”, chúng tôi đã giới thiệu 3 bài báo: Nghiên cứu dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với các đảo

ven bờ - lấy thí dụ đảo Cô Tô [2]; Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của 50 đảo ven bờ Bắc Bộ [3] và Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Bắc Bộ [4]. Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu khác về tài nguyên du lịch của hệ thống đảo ven bờ Việt Nam [5]; Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu của biển đảo Việt Nam [6]... cũng đã đề cập đến 50 đảo này.

Với mong muốn đóng góp cụ thể vào nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng; chúng tôi tiến hành đánh giá tổng hợp toàn bộ 50 đảo cho mục đích kinh tế và quốc phòng thông qua đánh giá về tiềm năng và vị thế của chúng. Trên cơ sở kết quả đánh giá tổng hợp đó, đề xuất các nhóm đảo có chức năng và nhiệm vụ khác nhau làm tài liệu tham khảo cho các nhà lập quy hoạch và quản lý triển khai quy hoạch chi tiết cho từng đảo cụ thể và đây cũng chính là nội dung của bài báo này.

Bảng 1. Danh sách 50 đảo ven bờ Bắc Bộ có diện tích từ > 1 km² (xếp theo độ lớn)

STT	Tên đảo	Thuộc tỉnh	Diện tích (km ²)	STT	Tên đảo	Thuộc tỉnh	Diện tích (km ²)
1	Cái Bầu	Quảng Ninh	231,236	26	Vạn Mắc	Quảng Ninh	3,508
2	Cát Bà	Hải Phòng	165,163	27	Chàng Ngo	Quảng Ninh	3,344
3	Trà Bân	Quảng Ninh	76,460	28	Đông Rủi Bé	Quảng Ninh	3,239
4	Vĩnh Thục	Quảng Ninh	47,832	29	Đầu Bè	Quảng Ninh	3,112
5	Đông Rủi	Quảng Ninh	35,701	30	Bạch Long Vĩ	Hải Phòng	3,076
6	Cảnh Cước	Quảng Ninh	24,142	31	Tuần Châu	Quảng Ninh	3,070
7	Cao Lô	Quảng Ninh	23,450	32	Bồ Hồn	Quảng Ninh	2,880
8	Thanh Lam	Quảng Ninh	16,793	33	Cổng Đông	Quảng Ninh	2,770
9	Cái Lim	Quảng Ninh	16,775	34	Cổng Tây	Quảng Ninh	2,564
10	Cô Tô	Quảng Ninh	16,361	35	Vạn Đuối	Quảng Ninh	2,529
11	Vạn Cảnh	Quảng Ninh	15,828	36	Cổng Đỏ	Quảng Ninh	2,522
12	Đông Chén	Quảng Ninh	13,703	37	Cô Tô Con	Quảng Ninh	2,522
13	Ngọc Vũng	Quảng Ninh	12,663	38	Thoi Xanh	Quảng Ninh	2,343
14	Cái Chiên	Quảng Ninh	11,842	39	Hạ Mai	Quảng Ninh	2,178
15	Thẻ Vàng	Quảng Ninh	11,576	40	Vụng Ba Cửa	Quảng Ninh	1,987
16	Hà Loan	Quảng Ninh	9,365	41	Vạn Giở	Quảng Ninh	1,928
17	Sâu Nam	Quảng Ninh	7,910	42	Miêu	Quảng Ninh	1,879
18	Phượng Hoàng	Quảng Ninh	6,368	43	Thượng Mai	Quảng Ninh	1,754
19	Quả Muồm	Quảng Ninh	5,325	44	Nê Mồi	Hải Phòng	1,647
20	Công Nứa	Quảng Ninh	5,129	45	Vạn Nước	Quảng Ninh	1,436
21	Vạn Vược	Quảng Ninh	5,047	46	Lỗ Hố	Quảng Ninh	1,393
22	Hạng Trại	Quảng Ninh	5,029	47	Cây Khế	Quảng Ninh	1,226
23	Trần	Quảng Ninh	4,962	48	Vụng Hà	Quảng Ninh	1,036
24	Lão Vọng	Quảng Ninh	4,399	49	Nất Đất	Quảng Ninh	1,035
25	Mang	Quảng Ninh	3,929	50	Chân Voi	Quảng Ninh	1,011



Hình 1. Sơ đồ vị trí 50 đảo ven bờ Bắc Bộ (có diện tích từ > 1 km²)

PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐÁNH GIÁ

Để có thể đề xuất định hướng phát triển chung về kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của hệ thống 50 đảo ven bờ Bắc Bộ

đòi hỏi trước hết phải tiến hành đánh giá các đảo về tiềm năng và vị thế của chúng cho mục đích kinh tế và quốc phòng.

Đánh giá tiềm năng cho các đảo

Đánh giá tiềm năng các đảo được căn cứ vào mục đích đánh giá và dựa trên đặc điểm

của các đảo thỏa mãn các chỉ tiêu đánh giá được lựa chọn, nêu tại bảng 2.

Bảng 2. Các chỉ tiêu đánh giá tiềm năng của các đảo cho mục đích kinh tế và quốc phòng

Mục đích đánh giá	Các chỉ tiêu đánh giá
1. Cho phát triển nông, lâm, thủy sản	- Quỹ đất, chất lượng đất; - Khả năng cấp nước; - Quỹ rừng và chất lượng rừng, tỷ lệ rừng; - Nguồn lợi hải sản quanh đảo và ngư trường; - Diện tích nuôi trồng; - Truyền thống sản xuất và tay nghề; - Cơ sở hạ tầng. - Cơ sở cấp điện; - Cảng, bến, khu neo đậu tàu thuyền; - Cơ sở hạ tầng kỹ thuật;
2. Cho phát triển các ngành dịch vụ: + Dịch vụ hậu cần nghề cá và trú bão; + Dịch vụ cứu nạn, cứu hộ; + Các dịch vụ khác (giao thông, y tế, thương mại,...)	- Khả năng kết nối với bờ trong mọi tình huống; - Đội tàu thuyền chuyên trách; - Khả năng cấp nước, lương thực, thực phẩm, ngư lưới cụ; - Cơ sở sửa chữa tàu thuyền; - Thu mua và bảo quản; - Cơ sở y tế, đội ngũ y bác sĩ; - Nguồn lao động. - Điều kiện tự nhiên, các di sản địa chất-địa mạo, hệ sinh thái; - Các di sản văn hóa; - Điều kiện khí hậu; - Cơ sở hạ tầng; - Nhân lực.
3. Cho phát triển du lịch	- Quy mô đảo về diện tích và dân số; - Điều kiện tự nhiên, rừng, địa hình, vũng vịnh, luồng lạch; - Nguồn nhân vật lực tại chỗ; - Cơ sở hạ tầng; - Điều kiện liên hệ với bờ và với các phòng tuyến lân cận.
4. Cho an ninh quốc phòng	- Vườn quốc gia, khu bảo tồn biển, khu dự trữ sinh quyển; - Đa dạng sinh học; - Giống, loài quý hiếm; - Các di sản địa chất-địa mạo các cấp.
5. Cho bảo tồn	

Đánh giá vị thế các đảo

Đánh giá vị thế các đảo dựa vào đặc điểm vị trí địa lý phân bố của đảo, bao gồm 6 chỉ tiêu và 3 mục đích đánh giá.

Các chỉ tiêu sử dụng để đánh giá (6 chỉ tiêu)

1. Vị trí trong vùng biển: Vị trí tiền tiêu - biên giới, vị trí tiền tiêu, vị trí tuyến trong.
2. Vị trí cách bờ: Giáp bờ, khá xa bờ, xa bờ.
3. Vị trí - khoảng cách tới các trung tâm đô thị: Gần, khá xa, xa.
4. Vị trí - khoảng cách tới các tuyến hàng hải: Nằm trên tuyến, gần, xa.

5. Vị trí cửa ngõ của đất liền: Trước cửa cảng biển hoặc thành phố cấp quốc gia; trước cửa cảng biển hoặc thành phố cấp địa phương (tỉnh).

6. Vị trí tương đối so với các đảo lân cận: Đơn lẻ, trung tâm, trung chuyển.

Các mục đích đánh giá (3 mục đích)

1. Phát triển kinh tế: Kinh tế biển tổng hợp hay từng ngành.
2. Lợi ích quốc gia trên biển: Phân định ranh giới chủ quyền quốc gia.
3. Quốc phòng - an ninh: Chức năng bảo vệ vùng biển đảo và vùng bờ nói chung.

Bảng 3. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá về vị thế các đảo cho định hướng phát triển kinh tế và quốc phòng

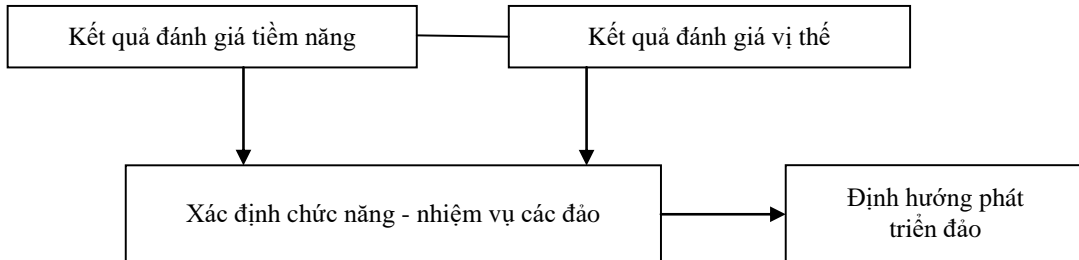
Mục đích đánh giá	Các chỉ tiêu đánh giá					
	1	2	3	4	5	6
Phát triển kinh tế		+	+	+	+	+
Lợi ích quốc gia trên biển	+	+				
Quốc phòng - an ninh	+		+	+	+	

Ghi chú: + chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá.

Các chỉ tiêu sử dụng để đánh giá vị thế các đảo cho định hướng phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh được thể hiện tại bảng 3.

Xác định chức năng - nhiệm vụ các đảo

Trên cơ sở kết quả đánh giá tiềm năng và vị thế các đảo, tiến hành xác định chức năng - nhiệm vụ của chúng, từ đó đề xuất định hướng phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh cho từng đảo, như hình 2 dưới đây.



Hình 2. Quy trình xác định nhiệm vụ - chức năng các đảo

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG VÀ VỊ THẾ 50 ĐẢO

Kết quả đánh giá tiềm năng

Theo các chỉ tiêu đã nêu trên, tiến hành đánh giá tiềm năng các đảo cho các mục đích chính là: Nông lâm, ngư nghiệp, du lịch, dịch vụ, quốc phòng và bảo tồn. Tiềm năng các đảo được đánh giá bằng cách cho điểm. Điểm của các ngành kinh tế được tổng hợp thành một kết quả chung, đại diện cho tiềm năng kinh tế của đảo. Kết quả cụ thể nêu trong bảng 4.

Từ bảng 4 có thể nhận thấy số đảo rất thích hợp và thích hợp cao cho phát triển du lịch là vượt trội so với các ngành kinh tế khác, trong khi đó ngành dịch vụ có số đảo kém thích hợp và hạn chế cho phát triển là lớn hơn cả. Phân loại tiềm năng các đảo cho phát triển kinh tế, quốc phòng an ninh và bảo tồn theo 3 mức độ thích hợp khác nhau được tổng hợp trong bảng 5.

Như vậy, trong 50 đảo ven bờ Bắc Bộ (có diện tích $> 1 \text{ km}^2$) chỉ có 9 đảo rất thích hợp và thích hợp cao cho phát triển kinh tế biển, trong khi đó số lượng đảo thích hợp trung bình là gấp đôi, 18 đảo; và có đến 23 đảo ở mức độ hạn chế và kém thích hợp. Các tỷ lệ tương ứng đối với tiềm năng phục vụ quốc phòng an ninh là 8, 14 và 28; còn đối với tiềm năng bảo tồn có tỷ lệ là 21, 6 và 23.

Để tiến hành xác định chức năng - nhiệm vụ các đảo và đề xuất định hướng phát triển cho chúng, điều mà chúng ta quan tâm trước hết chính là các đảo có tiềm năng rất thích hợp

và thích hợp cao. Chúng được thống kê cụ thể dưới đây.

Những đảo có tiềm năng rất thích hợp và thích hợp cao trong các lĩnh vực:

Nông lâm: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Đồng Rui, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Hà Loan (9 đảo).

Ngư nghiệp: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Đồng Rui, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Bạch Long Vĩ (9 đảo).

Du lịch: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Cao Lô, Cái Lim, Cô Tô, Ngọc Vũng, Cái Chiên, Sâu Nam, Hang Trai, Đầu Bê, Tuần Châu, Bò Hòn, Cống Đỏ, Cô Tô Con, Vụng Ba Cửa, Vụng Giò, Nè Mòi, Vụng Hà, Chân Voi (22 đảo).

Dịch vụ: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Trần, Bạch Long Vĩ (10 đảo).

Tổng hợp về kinh tế: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Bạch Long Vĩ (9 đảo).

Quốc phòng: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng (8 đảo).

Bảo tồn: Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Cao Lô, Cái Lim, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Sâu Nam, Hang Trai, Trần, Đầu Bê, Bạch Long Vĩ, Bò Hòn, Cống Đỏ, Vụng Ba Cửa, Vụng Giò, Nè Mòi, Vụng Hà, Chân Voi (21 đảo).

Bảng 4. Kết quả đánh giá tiềm năng 50 đảo cho phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh

STT	Tên đảo	Phát triển kinh tế					Quốc phòng an ninh	Bảo tồn
		Nông lâm nghiệp	Ngư nghiệp	Du lịch	Dịch vụ	Tổng hợp		
1	Cái Bầu	4	5	5	5	V	V	III
2	Cát Bà	4	5	5	5	V	V	V
3	Trà Bàn	4	4	4	4	IV	IV	IV
4	Vĩnh Thực	4	3	4	5	IV	IV	IV
5	Đồng Rui	4	4	3	2	III	III	II
6	Cánh Cước	3	4	4	4	IV	IV	IV
7	Cao Lô	3	3	4	3	III	III	IV
8	Thanh Lam	4	4	3	4	IV	IV	IV
9	Cái Lim	3	3	4	3	III	III	IV
10	Cô Tô	4	4	4	4	IV	IV	IV
11	Vạn Cảnh	3	3	3	3	III	III	III
12	Đổng Chén	3	3	3	2	III	III	II
13	Ngọc Vũng	4	4	4	4	IV	IV	IV
14	Cái Chiên	3	3	4	3	III	III	II
15	Thẻ Vàng	3	3	3	3	III	II	II
16	Hà Loan	4	3	2	2	III	II	II
17	Sậu Nam	3	3	4	2	III	II	IV
18	Phượng Hoàng	3	3	3	3	III	III	II
19	Quả Muối	3	3	2	3	III	I	I
20	Cổng Nứa	3	2	2	1	II	II	II
21	Vạn Vược	2	2	3	2	II	II	II
22	Hang Trai	3	2	4	1	III	II	IV
23	Trần	2	3	3	4	III	III	IV
24	Lão Vọng	2	2	3	2	II	II	III
25	Mang	2	2	3	2	II	II	II
26	Vạn Mặc	2	2	3	2	II	II	II
27	Chàng Ngọ	3	2	3	1	II	II	III
28	Đồng Rui Bé	2	3	2	1	II	I	I
29	Đầu Bê	2	2	4	1	II	II	IV
30	Bạch Long Vĩ	3	4	3	4	IV	III	IV
31	Tuần Châu	3	3	4	3	III	II	II
32	Bồ Hòn	2	2	4	1	II	II	IV
33	Cổng Đông	3	3	3	3	III	III	II
34	Cổng Tây	3	3	3	3	III	III	II
35	Vạn Đuối	2	3	3	2	II	II	II
36	Cổng Đỏ	2	2	4	1	II	II	IV
37	Cô Tô Con	3	3	4	2	III	III	III
38	Thoi Xanh	2	3	3	1	II	II	II
39	Hạ Mai	2	3	3	2	III	III	II
40	Vụng Ba Cửa	2	2	4	1	II	II	IV
41	Vạn Giò	2	2	4	1	II	II	IV
42	Miêu	2	2	2	2	II	II	II
43	Thượng Mai	2	2	3	2	II	III	II
44	Nê Mòi	2	2	4	1	II	II	IV
45	Vạn Nước	2	2	3	2	II	II	II
46	Lỗ Hố	2	2	3	1	II	II	III
47	Cây Khế	2	2	3	1	II	II	II
48	Vụng Hà	2	2	4	1	II	II	IV
49	Nất Đất	2	2	3	1	II	II	II
50	Chân Voi	2	2	4	1	II	II	IV

Ghi chú: 1, 2, I, II: Hạn chế và kém thích hợp cho phát triển; 3, III: Thích hợp trung bình cho phát triển; 4, IV: Thích hợp cao cho phát triển; 5, V: Rất thích hợp cho phát triển.

Bảng 5. Tổng hợp kết quả đánh giá tiềm năng 50 đảo cho phát triển kinh tế, quốc phòng an ninh và bảo tồn

Kết quả đánh giá	Phát triển kinh tế					Quốc phòng an ninh	Bảo tồn
	Nông lâm	Ngư nghiệp	Du lịch	Dịch vụ	Tổng hợp		
Rất thích hợp và thích hợp cao	9	9	22	10	9	8	21
Thích hợp trung bình	17	20	23	10	18	14	6
Hạn chế và kém thích hợp	24	21	5	30	23	28	23

Đơn vị: Số đảo

Kết quả đánh giá vị thế

Tương tự như đánh giá tiềm năng, căn cứ vào các chỉ tiêu đã nêu trên tiến hành đánh giá

vị thế các đảo cho 3 mục đích là phát triển kinh tế, lợi ích quốc gia trên biển và an ninh quốc phòng. Kết quả đánh giá thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Kết quả đánh giá vị thế 50 đảo cho phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh

STT	Tên đảo	Phát triển kinh tế	Lợi ích quốc gia trên biển	Quốc phòng an ninh	Tổng cộng
1	Cái Bầu	5	2	2	IX
2	Cát Bà	5	2	4	XI
3	Trà Bàn	4	2	3	IX
4	Vĩnh Thực	5	4	5	XIV
5	Đồng Rui	4	2	2	IX
6	Cánh Cước	3	3	4	X
7	Cao Lô	3	2	4	IX
8	Thanh Lam	3	4	5	XII
9	Cái Lim	2	2	2	VI
10	Cổ Tô	4	4	5	XIII
11	Vạn Cảnh	3	2	2	VII
12	Đồng Chén	2	2	2	VI
13	Ngọc Vũng	3	2	3	VIII
14	Cái Chiên	4	2	3	IX
15	Thẻ Vàng	3	2	2	VII
16	Hà Loan	4	2	2	VIII
17	Sâu Nam	3	2	4	IX
18	Phượng Hoàng	2	2	3	VII
19	Quả Mướp	4	2	3	IX
20	Công Nứa	2	2	2	VI
21	Vạn Vược	3	2	2	VII
22	Hạng Trai	3	2	2	VII
23	Trần	3	4	5	XII
24	Lão Vọng	2	2	2	VI
25	Mang	2	2	3	VII
26	Vạn Mặc	3	2	2	VII
27	Chàng Ngo	2	2	2	VI
28	Đồng Rui Bé	3	1	2	VI
29	Đầu Bê	3	2	2	VII
30	Bạch Long Vĩ	4	5	5	XIV
31	Tuần Châu	5	2	2	IX
32	Bồ Hòn	3	2	2	VII
33	Công Đông	3	2	2	VII
34	Công Tây	3	2	3	VIII
35	Vạn Đuối	2	2	2	VI
36	Công Đỏ	3	2	2	VII
37	Cổ Tô Con	3	3	4	X
38	Thoi Xanh	2	2	3	VII
39	Hạ Mai	3	3	4	X
40	Vụng Ba Cửa	3	2	2	VII
41	Vạn Giò	3	2	2	VII
42	Miêu	4	2	2	VIII
43	Thượng Mai	2	3	4	IX
44	Nê Mòi	3	1	2	VI
45	Vạn Nước	3	2	2	VII
46	Lỗ Hố	2	1	2	V
47	Cây Khế	3	1	2	VI
48	Vụng Hà	3	2	2	VII
49	Nất Đất	2	2	3	VII
50	Chân Voi	3	1	2	VI

Ghi chú: 4, 5: Vị trí rất thuận lợi và thuận lợi cao; 3: Vị trí thuận lợi trung bình; 2, 1: Vị trí kém và không thuận lợi; V–XIV: Điểm tổng hợp (cộng).

Từ bảng 6 nêu trên, chúng ta thấy số lượng đảo có vị trí rất thuận lợi và thuận lợi cao cho phát triển kinh tế là 12, cho lợi ích quốc gia trên biển là 5, cho quốc phòng an ninh là 12, và tổng hợp tất cả các đảo có tối thiểu một điểm 4 trở lên là 20 đảo, toàn bộ được nêu tên cụ thể dưới đây.

Những đảo có vị trí rất thuận lợi và thuận lợi cao trong các lĩnh vực:

Phát triển kinh tế: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Đồng Rui, Cô Tô, Cái Chiên, Hà Loan, Quả Muồm, Bạch Long Vĩ, Tuần Châu, Miêu (12 đảo); trong đó những đảo có vị trí rất thuận lợi là Cái Bàu, Cát Bà, Vĩnh Thực và Tuần Châu.

Lợi ích quốc gia trên biển: Vĩnh Thực, Thanh Lam, Cô Tô, Trần, Bạch Long Vĩ (5 đảo); trong đó Bạch Long Vĩ mang lại lợi ích lớn hơn cả.

Quốc phòng - an ninh: Cát Bà, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Cao Lô, Thanh Lam, Cô Tô, Sâu Nam, Trần, Bạch Long Vĩ, Cô Tô Con, Hạ Mai, Thượng Mai (12 đảo); trong đó quan trọng hơn cả là các đảo Vĩnh Thực, Trần, Cô Tô-Thanh Lam và Bạch Long Vĩ.

Tổng hợp (đảo tối thiểu có một điểm 4 hoặc 5 trở lên): Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Đồng Rui, Cảnh Cước, Cao Lô, Thanh Lam, Cô Tô, Cái Chiên, Hà Loan, Sâu Nam, Quả Muồm, Trần, Bạch Long Vĩ, Tuần Châu, Cô Tô Con, Hạ Mai, Miêu, Thượng Mai (20 đảo); trong đó những đảo có tài nguyên vị thế vượt trội gồm Bạch Long Vĩ, Vĩnh Thực, Cô Tô-Thanh Lam và Trần.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Đánh giá tổng hợp là sự kết hợp các kết quả đánh giá tiềm năng và đánh giá vị thế. Tiềm năng của đảo nói lên khả năng của đảo đó với các nhân tố nội lực của mình có thể thực thi ở mức độ khác nhau các nhiệm vụ về phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng an ninh. Tuy nhiên tiềm năng chưa phải là yếu tố độc nhất để xác định nhiệm vụ cụ thể của đảo, mà yếu tố quan trọng không kém trong quyết định nhiệm vụ và hướng phát triển của đảo chính là vị thế của nó, tức là những giá trị có được của vị trí phân bố của nó trong vùng biển. Vị thế của đảo xác định chức năng của đảo đó trong việc phân công giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế và bảo

đảm quốc phòng an ninh, tùy thuộc vào vị trí của đảo đó thuộc tuyến tiền tiêu-biên giới hay tuyến trong giáp bờ. Mặt khác cũng do vị trí phân bố khác nhau trong bình đồ vùng biển mà mỗi đảo có lợi thế khác nhau trong phát triển. Các đảo giáp bờ có ưu thế lớn trong xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông, cấp điện, cấp nước, cũng như được bảo đảm cung cấp thường xuyên nhu cầu vật chất cho cư dân trên đảo, từ đó là lợi thế cho phát triển du lịch và dịch vụ; trong khi đó các đảo xa bờ không những có lợi ích lớn cho quốc phòng cũng như trong phân định vùng biển chủ quyền mà còn có lợi thế về đánh bắt hải sản (gần ngư trường), về dịch vụ hàng hải nói chung và dịch vụ hậu cần nghề cá nói riêng, cũng như mở cửa tiếp cận với nước ngoài. Mặt khác ở đây môi trường thường trong lành và cảnh quan thì nguyên sơ.

Để tiến hành đánh giá tổng hợp, chúng tôi liệt kê tất cả các đảo có kết quả đánh giá đạt điểm 4 hoặc 5 trở lên về tiềm năng và về vị thế trong kinh tế và quốc phòng an ninh, cũng như trong bảo tồn. Đó là những đảo được lựa chọn ưu tiên trong nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển, có tất cả 31 đảo như vậy, với hầu hết là các đảo lớn và trung bình (bảng 7). Các đảo có tiềm năng hoặc vị thế đạt điểm 4 trở lên về kinh tế đều được xác định cho nhiệm vụ phát triển kinh tế. Những đảo có vị thế cao cho quốc phòng đều được xác định chức năng cho quốc phòng (các đảo Vĩnh Thực, Trần, Thanh Lam,...). Còn những đảo tuy có tiềm năng lớn cho quốc phòng nhưng có vị trí kém quan trọng (như Cái Bàu, Trà Bản,...) được xác định nhiệm vụ là hỗ trợ về mặt quốc phòng cho các đảo tiền tiêu bên ngoài (như Trần, Cô Tô, Bạch Long Vĩ,...).

Kết quả tổng hợp cho thấy:

Có 15 đảo được xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế biển tổng hợp hoặc một số ngành kinh tế: Cái Bàu, Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Đồng Rui, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Cái Chiên, Hà Loan, Quả Muồm, Bạch Long Vĩ, Tuần Châu và Miêu.

21 đảo được xác định nhiệm vụ bảo tồn (các hệ sinh thái đảo biển hoặc các di sản địa chất-địa mạo đảo biển) đều gắn với phát triển ngành du lịch.

Có 9 đảo được xác định chức năng quốc phòng: Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Thanh Lam,

Cô Tô, Trần, Bạch Long Vĩ, Cô Tô Con, Hạ Mai và Thượng Mai.

Đồng thời có 4 đảo được xác định chức năng hỗ trợ về quốc phòng cho các tuyến đảo tiền tiêu: Cái Bầu, Cát Bà, Trà Bản, Ngọc Vũng.

Ngoài 31 đảo có kết quả đánh giá cao về

tiềm năng và vị thế được xác định nhiệm vụ-chức năng nêu trên, những đảo còn lại (19 đảo) có kết quả đánh giá thấp hơn được coi là nguồn lực dự trữ cho phát triển kinh tế sau này. Chúng nhìn chung không có vai trò quan trọng trong quốc phòng.

Bảng 7. Kết quả đánh giá tổng hợp tiềm năng và vị thế 50 đảo cho phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh

STT	Tên đảo	Kinh tế		Quốc phòng		Bảo tồn	Chức năng - nhiệm vụ đảo
		Tiềm năng	Vị Thế	Tiềm năng	Vị thế		
1	Cái Bầu	5	5	5	2	3	KT - HTQP
2	Cát Bà	5	5	5	3	5	KT - HTQP - BT
3	Trà Bản	4	4	4	2-3	4	KT - HTQP - BT
4	Vĩnh Thực	4	5	4	4-5	4	KT - QP - BT
5	Đồng Rui	3	4	3	2	2	KT
6	Cánh Cước	4	3	4	3-4	4	KT - QP - BT
7	Cao Lô	3	3	3	3	4	BT (du lịch)
8	Thanh Lam	4	3	4	4-5	4	KT - QP - BT
9	Cái Lim	3	2	3	2	4	BT (du lịch)
10	Cô Tô	4	4	4	4-5	4	KT - QP - BT
11	Ngọc Vũng	4	3	4	2-3	4	KT - HTQP - BT
12	Cái Chiên	3	4	3	2-3	3	KT
13	Hà Loan	2	4	2	2	2	KT
14	Sâu Nam	3	3	2	3	4	BT (du lịch)
15	Quả Muồm	3	4	1	2-3	1	KT
16	Trần	3	3	3	4-5	4	QP - BT (dịch vụ)
17	Bạch Long Vĩ	4	4	3	5	4	KT - QP - BT
18	Tuần Châu	3	5	2	2	2	KT
19	Cô Tô Con	3	3	3	3-4	3	QP (du lịch)
20	Hạ Mai	3	3	3	3-4	2	QP (du lịch)
21	Miêu	2	4	2	2	2	KT
22	Thượng Mai	2	2	3	3-4	2	QP (du lịch)
23-31	Hang Trai, Đầu Bê, Bò Hòn, Cống Đò, Vụng Ba Cửa, Vạn Giò, Nê Mòi, Vụng Hà, Chân Voi					4	9 đảo thuộc Di sản Hạ Long-Cát Bà: Bảo tồn và phát triển du lịch

Ghi chú: KT: Kinh tế, HTQP: Hỗ trợ quốc phòng, QP: Quốc phòng, BT: Bảo tồn; 1, 2, 3, 4, 5: Xem trong bảng 4 và bảng 6.

XÁC ĐỊNH CỤ THỂ CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ CÁC ĐẢO

Để xác định cụ thể chức năng - nhiệm vụ cho mỗi đảo, chúng tôi phân chia các đảo thành 3 nhóm: 1) Nhóm đảo có chức năng quốc phòng cùng với phát triển kinh tế; 2) Nhóm đảo có chức năng phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng; và 3) Nhóm đảo chủ yếu có nhiệm vụ phát triển kinh tế, nhưng vẫn luôn gắn với nhiệm vụ quốc phòng.

Về mặt phát triển kinh tế đã chia ra 2 nhóm chính: 1) Nhóm đảo phát triển kinh tế biển tổng

hợp, với nhiều ngành, thường gồm cả nông lâm, ngư nghiệp, dịch vụ và du lịch, đôi khi cả công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; 2) Nhóm các đảo chủ yếu chỉ phát triển một vài ngành kinh tế chính như nông lâm, ngư nghiệp, hoặc du lịch, dịch vụ. Ngoài ra cũng đề riêng một nhóm đảo với nhiệm vụ bảo tồn, chúng luôn kết hợp với nhiệm vụ phát triển ngành du lịch. Kết quả xác định cụ thể chức năng - nhiệm vụ cho mỗi đảo dẫn trong bảng 8.

Từ bảng 8 cho thấy:

Có 4 đảo được xác định có nhiệm vụ phát triển kinh tế biển tổng hợp với quy mô lớn (với diện tích > 40 km²); trong đó Vĩnh Thực thuộc nhóm đảo có chức năng quốc phòng cùng với phát triển kinh tế; Cát Bà và Trà Bản có chức năng phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng; còn Cái Bàu có nhiệm vụ chủ yếu phát triển kinh tế, về quốc phòng có chức năng hỗ trợ cho các tuyến đảo bên ngoài.

Cũng với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển tổng hợp nhưng ở quy mô nhỏ hơn là 3 đảo Cô Tô, Thanh Lam và Bạch Long Vĩ. Chúng đều thuộc nhóm đảo có chức năng quốc phòng cùng với phát triển kinh tế.

Có 24 đảo với nhiệm vụ phát triển một hoặc một số ngành kinh tế; chúng cũng thuộc cả 3 nhóm đảo có chức năng khác nhau. Các đảo Cảnh Cước, Trần, Cô Tô Con, Hạ Mai, Thượng Mai thuộc nhóm chức năng quốc phòng và kinh tế; các đảo Cao Lô, Cái Lim, Ngọc Vũng, Sâu Nam thuộc nhóm chức năng

phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng; và có 6 đảo thuộc nhóm có chức năng chủ yếu phát triển kinh tế là Đồng Rui, Cái Chiên, Hà Loan, Quả Muồm, Tuần Châu và Miều; cùng trong nhóm chức năng này còn có 9 đảo có nhiệm vụ phát triển du lịch là chủ yếu (nhóm đảo trong Di sản Hạ Long - Cát Bà).

Có 21 đảo có nhiệm vụ bảo tồn kết hợp với du lịch, và chúng cũng thuộc về cả 3 nhóm đảo có chức năng khác nhau. Các nhiệm vụ bao gồm:

Bảo tồn các hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới trên đảo có thành phần đá mẹ khác nhau: Cát Bà, Trà Bản, Cao Lô, Cái Lim, Sâu Nam;

Bảo tồn các hệ sinh thái vùng biển nông quanh đảo: Cát Bà, Cô Tô, Trần, Bạch Long Vĩ;

Bảo tồn các di sản địa chất-địa mạo: Cát Bà, Trà Bản, Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Ngọc Vũng, Bạch Long Vĩ, Hang Trai, Đầu Bê, Bò Hòn, Cống Đỏ, Vụng Ba Cửa, Vụng Giò, Nẻ Mòi, Vụng Hà, Chân Voi.

Bảng 8. Thống kê các đảo theo chức năng - nhiệm vụ

Các nhóm đảo theo chức năng - nhiệm vụ quốc phòng và kinh tế	Định hướng phát triển kinh tế và bảo tồn			
	Kinh tế biển tổng hợp		Một số ngành kinh tế	Bảo tồn
	Quy mô lớn (> 40 km ²)	Quy mô trung bình và nhỏ		
1. Nhóm đảo quốc phòng và kinh tế	- Vĩnh Thực	- Cô Tô, - Thanh Lam - Bạch Long Vĩ	- Cảnh Cước - Trần - Cô Tô Con - Hạ Mai - Thượng Mai	Vĩnh Thực, Cảnh Cước, Thanh Lam, Cô Tô, Trần, Bạch Long Vĩ
2. Nhóm đảo kinh tế kết hợp với quốc phòng	- Cát Bà - Trà Bản		- Cao Lô - Cái Lim - Ngọc Vũng - Sâu Nam - Đồng Rui	Cát Bà, Trà Bản, Cao Lô, Cái Lim, Ngọc Vũng, Sâu Nam
3. Nhóm đảo chủ yếu kinh tế (với nhiệm vụ quốc phòng vẫn luôn thường trực)	- Cái Bàu		- Cái Chiên - Hà Loan - Quả Muồm - Tuần Châu - Miều - 9 đảo thuộc di sản Hạ Long (tên ở cột bên).	Hang Trai, Đầu Bê, Bò Hòn, Cống Đỏ, Vụng Ba Cửa, Vụng Giò, Nẻ Mòi, Vụng Hà, Chân Voi.

KẾT LUẬN

Đã đánh giá tổng hợp và định hướng chung phát triển kinh tế biển và bảo vệ quốc phòng an ninh cho 50 đảo ven bờ Bắc Bộ theo các nhóm đảo có các chức năng:

Nhóm đảo có chức năng quốc phòng và phát triển kinh tế có 9 đảo, gồm: Vĩnh Thực, Cô Tô-Thanh Lam, Bạch Long Vĩ, Cảnh Cước, Trần, Cô Tô Con, Hạ Mai và Thượng Mai.

Nhóm đảo có chức năng phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng có 6 đảo là Cát Bà, Trà Bần, Cao Lô, Cái Lim, Ngọc Vũng và Sâu Nam, trong đó Cát Bà và Trà Bần thuộc nhóm đảo phát triển kinh tế biển tổng hợp và có quy mô lớn, trong khi 4 đảo còn lại chỉ phát triển một vài ngành kinh tế riêng biệt, không có ngành quan trọng dịch vụ biển.

Nhóm đảo có chức năng chủ yếu phát triển kinh tế có 16 đảo, trong đó quan trọng nhất là đảo Cái Bầu, là một trung tâm phát triển kinh tế biển tổng hợp quy mô lớn, cùng với 15 đảo khác chủ yếu phát triển một vài ngành kinh tế riêng biệt là Đồng Rui, Cái Chiên, Hà Loan, Quả Muồm, Tuần Châu, Miêu và 9 đảo đá vôi nhỏ thuộc Di sản Hạ Long-Cát Bà (Hang Trai, Đầu Bê, Bò Hòn, Cống Đỏ, Vụng Ba Cửa, Vạn Giò, Nè Mòi, Vụng Hà, Chân Voi).

Nhóm đảo còn lại gồm 19 đảo, chủ yếu là đảo nhỏ: Vạn Cảnh, Đồng Chén, Thê Vàng, Phụng Hoàng, Cống Nứa, Vạn Vược, Lão Vọng, Mang, Vạn Mặc, Chàng Ngọ, Đồng Rui Bé, Cống Đông, Cống Tây, Vạn Đuối, Thoi Xanh, Vạn Nước, Lỗ Hố, Cây Khế và Nát Đất có thể khai thác lợi thế để phát triển du lịch và nông lâm nghiệp (đặc biệt là đối với các đảo có diện tích trung bình như Vạn Cảnh, Đồng Chén, Thê Vàng,...) và một số đảo khác như Phụng Hoàng, Cống Nứa, Chàng Ngọ,... có thể sử dụng cho phát triển nông lâm, ngư nghiệp.

Cần có các quy chế bảo mật tài liệu đối với các đảo tiền tiêu có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh: Bạch Long Vĩ, Vĩnh Thực, Trần, Cô Tô, Thanh Lam, Cô Tô Con, Cảnh Cước, Hạ Mai và Thượng Mai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Đức An (chủ biên), 2008. Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam, tài nguyên và phát triển. *Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội*. 199 tr.
- [2] Lê Đức An, Uông Đình Khanh, Bùi Quang Dũng, Nguyễn Thị Hương, 2013. Nghiên cứu dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với các đảo ven bờ - lấy thí dụ đảo Cô Tô. *Tạp chí các Khoa học về Trái đất*, 35(4), 294–300.
- [3] Uông Đình Khanh, Lê Đức An, Tổng Phúc Tuấn, Trần Thị Hằng Nga, Bùi Quang Dũng, Nguyễn Thị Hương, 2013. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên 50 đảo ven bờ Bắc Bộ Việt Nam (có diện tích từ 1 km² trở lên). *Tạp chí các Khoa học về Trái đất*, 35(4), 318–326.
- [4] Lê Đức An, Uông Đình Khanh, Tổng Phúc Tuấn, Bùi Quang Dũng, Nguyễn Thị Hương, 2014. Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Bắc Bộ. *Tuyển tập Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 8, Hà Nội*. Tr. 25–34.
- [5] Uông Đình Khanh, 2016. Tiềm năng phát triển du lịch hệ thống đảo ven bờ Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 16(1), 1–11.
- [6] Trần Đức Thanh (chủ biên), Lê Đức An, Nguyễn Hữu Cừ, Trần Đình Lân, Nguyễn Văn Quân, Tạ Hòa Phương. *Biển đảo Việt Nam - Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu*. *Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội*. 324 tr.